

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN**

Số: 2145/UBND-KT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

V/v xác định giá đất cụ thể từng vị trí
để tính tiền bồi thường Dự án di dời
08 trụ điện

Kính gửi: Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn
Trạch.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16/3/2026 về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất, ngày 30/3/2026, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã họp thẩm định, so sánh giá đất và có Thông báo kết luận số 152/TBKL-HĐBTHT&TĐC về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ nội dung nêu tại Thông báo kết luận số 152/TBKL-HĐBTHT&TĐC ngày 30/3/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, UBND xã Phước An xác định Phương án giá đất cụ thể tại Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai được xác định theo giá đất nêu tại Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An về việc thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (đính kèm).

UBND xã Phước An phản hồi thông tin đến Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch biết để áp giá bồi thường dự án theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, TH.KT. (Tuần)

CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Đức

Số: 01/HĐTĐGDCTXPA

Phước An, ngày 24 tháng 12 năm 2025

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH

Thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: - Phòng Kinh tế xã;

- Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch.

Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An nhận được Tờ trình số 563/TTr-PKT-GCS ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã về việc phương án giá đất để tính tiền bồi thường thực hiện Dự án Di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở nội dung tờ trình kèm theo các hồ sơ liên quan và ý kiến đề xuất của Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An. Ngày 24/12/2025, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An đã tổ chức họp lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng về phương án giá đất theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã, Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An có ý kiến như sau:

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
I	Đất Nông nghiệp				
1	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường Hùng Vương - đường nhóm I tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An)	2	200.000	8,08	1.616.000
		3	170.000	6,21	1.055.700
		4	140.000	6,27	877.800
2	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường Đê Ông Kèo - đường nhóm II tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An)	3	160.000	5,52	883.200
		4	120.000	5,95	714.000
II	Đất Phi nông nghiệp				
1	Đất ở tại nông thôn đường Hùng Vương đoạn	2 (hẻm nhựa, bê tông)	2.600.000	2,10	5.460.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
2	qua xã Vĩnh Thanh (từ ranh giới xã Phước An và xã Vĩnh Thanh đến đường Phạm Thái Bường) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).	2 (hẻm còn lại)	2.080.000	2,39	4.971.200
		4 (hẻm nhựa, bê tông)	1.400.000	2,16	3.024.000
		4 (hẻm còn lại)	1.120.000	2,43	2.721.600
	Đất ở tại nông thôn đường Đê Ông Kèo đoạn qua các xã: Phú Hữu, Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Phú Đông (từ ngã 3 Thách Thắt Phú Hữu đến đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).	4 (hẻm nhựa, bê tông)	1.300.000	1,73	2.249.000
		4 (hẻm còn lại)	1.040.000	1,95	2.028.000

Trên đây là ý kiến thẩm định phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An. Đề nghị Phòng Kinh tế xã hoàn chỉnh phương án trình UBND xã phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Các thành viên Hội đồng;
- Lưu : VT -HĐTĐGD.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Trần Minh Quân**

UBND XÃ PHƯỚC AN
PHÒNG KINH TẾ

Số: 597/TTr-PKT-GCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phước An, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt phương án giá đất để tính tiền bồi thường thực hiện Dự án Di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước An.

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh;

Phòng Kinh tế xã đã thuê Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt xác định giá đất để tính tiền thuê đất của dự án; đơn vị tư vấn đã có dự thảo Chứng thư định giá đất và Báo cáo thuyết minh không số ngày 19/12/2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt.

Sau khi kiểm tra tính đầy đủ về nội dung của báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ, Phòng Kinh tế xã trình Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An xem xét thẩm định tại Tờ trình 563/TTr-PKT-GCS ngày 22/12/2025. Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An đã tiến hành thẩm định giá đất theo dự thảo Chứng thư định giá đất và Báo cáo thuyết minh không số ngày 19/12/2025 và thống nhất theo Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, đơn vị tư vấn đã hoàn thiện Chứng thư định giá đất số 1136/CT-ĐGD ngày 24/12/2025 kèm Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt, Phòng Kinh tế xã tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định đối với các nội dung sau:

1. Căn cứ trình phê duyệt:

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ;
- Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá

đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An.

2. Các thông tin về khu đất định giá:

- Địa điểm: xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.

- Tổng diện tích: 15.033,0 m².

- Mục đích sử dụng: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp.

- Vị trí khu đất định giá bao gồm các thửa đất liền nhau tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An). Khu đất định giá được xác định vị trí như sau:

*** Đất nông nghiệp:**

+ Vị trí 2, 3, 4 đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường Hùng Vương – đường nhóm I tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).

+ Vị trí 3, 4 đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường Đê Ông Kèo – đường nhóm II tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).

*** Đất phi nông nghiệp:**

+ Vị trí 2, 4 đất ở tại nông thôn đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh (từ ranh giới xã Phước An và xã Vĩnh Thanh đến đường Phạm Thái Bường) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).

+ Vị trí 4 đất ở tại nông thôn đường Đê Ông Kèo đoạn qua các xã: Phú Hữu, Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Phú Đông (từ ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An)..

- Mục đích định giá: Để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thời điểm định giá: Tháng 12 năm 2025.

3. Phương pháp định giá:

Đơn vị tư vấn áp dụng phương pháp định giá đất là phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

4. Kết quả xác định giá đất.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được, phương pháp định giá đất do Chính phủ quy định, đơn vị tư vấn đã xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện Dự án Di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai như sau:

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
I	Đất Nông nghiệp				
1	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm đường Hùng Vương - đường nhóm I tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An)	2	200.000	8,08	1.616.000
		3	170.000	6,21	1.055.700
		4	140.000	6,27	877.800
2	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm đường Đê Ông Kèo - đường nhóm II tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An)	3	160.000	5,52	883.200
		4	120.000	5,95	714.000
II	Đất Phi nông nghiệp				
1	Đất ở tại nông thôn đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh (từ ranh giới xã Phước An và xã Vĩnh Thanh đến đường Phạm Thái Bường) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).	2 (hẻm nhựa, bê tông)	2.600.000	2,10	5.460.000
		2 (hẻm còn lại)	2.080.000	2,39	4.971.200
		4 (hẻm nhựa, bê tông)	1.400.000	2,16	3.024.000
		4 (hẻm còn lại)	1.120.000	2,43	2.721.600
2	Đất ở tại nông thôn đường Đê Ông Kèo đoạn qua các xã: Phú Hữu, Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Phú Đông (từ ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh) tại xã Vĩnh Thanh (Nay là xã Phước An).	4 (hẻm nhựa, bê tông)	1.300.000	1,73	2.249.000
		4 (hẻm còn lại)	1.040.000	1,95	2.028.000

Hồ sơ gửi kèm theo:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt giá đất;

- Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An;

- Chứng thư định giá đất số 1136/CT-ĐGD ngày 24/12/2025 kèm Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt.

Trên đây là Tờ trình của Phòng Kinh tế xã về việc phê duyệt phương án giá đất để tính tiền bồi thường thực hiện Dự án Di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo phòng;
- Lưu: VT.GCS (Quý)

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Vững

THÔNG BÁO KẾT LUẬN

Về việc thẩm định, phê duyệt phương án xét tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai

Ngày 30/3/2026, tại Phòng họp - UBND xã Phước An, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã tổ chức họp thẩm định, phê duyệt phương án xét tái định cư cho các hộ dân có đất thu hồi thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

I. Thành phần dự họp gồm:

1. Ông Trần Minh Quân – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã – Chủ tịch Hội đồng bồi thường – Chủ trì;
2. Ông Trương Quốc Thái – Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế – Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường;
3. Ông Lương Văn Diễn – Đại diện Công an xã Phước An;
4. Ông Trương Ngọc Phương - Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã – Chủ tịch Hội Nông dân xã;
5. Ông Phan Công Bình – Chuyên viên Phòng Kinh tế;
6. Ông Thái Minh Trung – Chuyên viên Phòng Kinh tế;
7. Ông Võ Hoàng Tuấn – Chuyên viên VP HĐND và UBND xã;
8. Lê Văn Đông – Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch;
9. Ông Trương Quốc Dũng – Trưởng ấp Chính Nghĩa.

II. Nội dung và kết quả:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tiến hành thẩm định nội dung Phương án số 06/PA-TTPTQĐ ngày 29/01/2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về phương án xét tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Sau khi nghe ý kiến trao đổi, thảo luận, thống nhất của các thành viên tham dự cuộc họp đối với các nội dung của Phương án số 06/PA-TTPTQĐ ngày 29/01/2026; ý kiến giải trình của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn

Trạch đối với nội dung Phương án số 06/PA-TTPTQĐ ngày 29/01/2026, ông Trần Minh Quân – Chủ tịch Hội đồng bồi thường kết luận như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 111 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Thông nhất phê duyệt nội dung Phương án số 06/PA-TTPTQĐ ngày 29/01/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về phương án xét tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai với các nội dung cụ thể như sau:

1. Các trường hợp đủ điều kiện phê duyệt phương án xét cấp tái định cư tại dự án theo khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024:

- Ông (bà) **Trần Danh Hưng** (STT 08) bị thu hồi 299m² đất ở tại nông thôn và ông Hưng có đơn hiến 01m² đất ở nông thôn còn lại của thửa đất bị thu hồi tại dự án (trong giấy CNQSD đất số DL 546800 cấp ngày 08/8/2026), căn cứ khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024, ông (bà) **Trần Danh Hưng** đủ điều kiện để bồi thường bằng giao đất ở - 01 (một) suất tái định cư.

2. Các trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt phương án xét cấp tái định cư tại dự án theo Điều 111 Luật Đất đai 2024:

- 23 trường hợp nêu tại Danh sách kèm theo Phương án số 06/PA-TTPTQĐ ngày 29/01/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch (STT 01 đến 07 và 09 đến 24) không đủ điều kiện để xét tái định cư theo khoản 4, khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

3. Giao phòng Kinh tế tham mưu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, UBND xã ban hành quyết định phê duyệt tái định cư dự án theo đúng quy định.

Trên đây là Thông báo kết luận về việc thẩm định, phê duyệt phương án xét tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thông báo đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Thành viên HĐBT dự án;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch;
- Lưu: VT, TH.KT. (Binh)

**TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG
HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Quân

Phước An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 152/TBKL-HĐBTHT&TĐC

THÔNG BÁO KẾT LUẬN

Về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai

Ngày 30/3/2026, tại Phòng họp - UBND xã Phước An, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã tổ chức họp thẩm định, so sánh xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16/3/2026 về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất.

I. Thành phần dự họp gồm:

1. Ông Trần Minh Quân – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã – Chủ tịch Hội đồng bồi thường – Chủ trì;
2. Ông Trương Quốc Thái – Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế – Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường;
3. Ông Lương Văn Diễn – Đại diện Công an xã Phước An;
4. Ông Trương Ngọc Phương - Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã – Chủ tịch Hội Nông dân xã;
5. Ông Phan Công Bình – Chuyên viên Phòng Kinh tế;
6. Ông Thái Minh Trung – Chuyên viên Phòng Kinh tế;
7. Ông Võ Thành Long – Chuyên viên Phòng Kinh tế;
8. Ông Võ Hoàng Tuấn – Chuyên viên VP HĐND và UBND xã;
9. Lê Văn Đông – Đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch;
10. Ông Trương Quốc Dũng – Trưởng ấp Chính Nghĩa.

II. Nội dung và kết quả:

Căn cứ Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tiến hành thẩm định, so sánh xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

- Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/202 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An về việc thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số 140/VB-SV ngày 27/3/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt về việc phúc đáp Văn bản số 259/PKT về việc thẩm định điều chỉnh giá đất cụ thể bổ sung để tính tiền bồi thường Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Sau khi nghe ý kiến trao đổi, thảo luận, thống nhất của các thành viên tham dự cuộc họp đối với giá đất tại Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/202 và giá đất so sánh tại Văn bản số 140/VB-SV ngày 27/3/2026, ông Trần Minh Quân – Chủ tịch Hội đồng bồi thường kết luận như sau:

Qua thẩm định, so sánh xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất tại các văn bản nêu trên, kết quả cho thấy giá đất tại Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An cao hơn Bảng giá đất năm 2026 (giá theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai). Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thống nhất áp dụng giá đất tại Dự án theo Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/202 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An.

Giao phòng Kinh tế tham mưu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, UBND xã có văn bản thống nhất phương án giá đất theo Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/202 gửi về Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch để làm cơ sở áp giá bồi thường theo quy định.

Trên đây là Thông báo kết luận về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của Dự án di dời 08 trụ điện thuộc Dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thông báo đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Thành viên HĐBT dự án;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch;
- Lưu: VT, TH, KT. (Binh)

**TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG
HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Quân

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36 /PA-TTPTQĐ

Nhơn Trạch, ngày 08 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

V/v **Bố trí, giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án di dời 08 móng trụ điện cao thế thuộc dự án thành phần 4: Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Cơ sở xét tái định cư:

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của tỉnh Đồng Nai.

2/ Công tác xét cấp tái định cư:

Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 04/03/2026 của UBND xã Phước An đối với hộ bà Nguyễn Thị Trương có tổng diện tích thu hồi móng trụ điện là 227,5 m² và tổng diện tích ảnh hưởng hành lang an toàn lưới điện là 316m²; Hộ ông Vòng Đồng Sáng có diện tích ảnh hưởng hành lang an toàn lưới điện là 413 m² (nội dung xác nhận theo mẫu số 02 tại mục 5 và mục 6 tại quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

Theo nội dung xác nhận thì hộ bà Nguyễn Thị Trương và ông Vòng Đồng Sáng bị thu hồi đất nông nghiệp và ảnh hưởng hành lang an toàn lưới điện, không có nhà ở, không di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện xét tái định cư theo Điều 11, Nghị định 88/2024/NĐ-CP và Khoản 4, Khoản 5, Điều 111 Luật đất đai 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch kiến nghị UBND xã Phước An thẩm tra và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3/ Phương án bố trí, giao đất tái định cư:

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu TĐC Phước An tại xã Phước An.
- Quy mô về quỹ đất dự kiến: 1.187lô.
- Quy mô về hạ tầng kỹ thuật: đã thi công hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích lô đất tái định cư trung bình (dự kiến): 5m x 20m = 100m².
- Hình thức tái định cư: Giao nền đất.

4/ Nghĩa vụ tài chính đối với các hộ được bố trí tái định cư:

Tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

5/ Thời điểm giao lô tái định cư:

Dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi sau khi Chủ tịch UBND xã Phước An phê duyệt Phương án bố trí, giao đất tái định cư; thời gian, địa điểm tổ chức bốc thăm sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch thông báo đến từng hộ dân.

Trên đây là nội dung Phương án tái định cư và bố trí, giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án di dời 08 móng trụ điện cao thế thuộc dự án thành phần 4: Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trung tâm phát triển quỹ đất kiến nghị UBND xã Phước An thẩm tra và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định./.

Nơi nhân:

- UBND xã Phước An;
- Phòng Kinh tế xã Phước An;
- Ban Giám đốc;
- Tổ BT, Nhóm NV2;
- Tổ QL&KTQĐ;
- Lưu VT. TIPTQĐ.



GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Nga



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/08/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 295/QĐ-UBND Đồng Nai ngày 24/02/2023 quyết định phê duyệt Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 1356/BQLDACCTGT-QLDA3 ngày 24/10/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các thủ tục thu hồi đất để di dời các trụ điện cao thế tại vị trí giao cắt với dự án thành phần 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường vành đai 3 TPHCM.

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-BQLDACTGT ngày 02/04/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở bước thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Di dời đường dây cao thế, trung hạ thế, trạm biến áp và chiếu sáng Dự án Thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 5996/SNNMT-ĐĐ ngày 9/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng các dự án công trình diện trên địa bàn xã Nhơn Trạch, xã Phước An và xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 824/SNNMT-ĐĐ ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Nghị quyết số 254/2025/QH15 liên quan đến công tác định giá đất.

Căn cứ Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An về việc hủy bỏ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Phước An.

Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của UBND xã Phước An về việc hủy bỏ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 và Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 05/03/2026 và các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân (đợt 1 và đợt 2) dự án Di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An về việc thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo kết luận số 152/TBKL-HĐBTHT&TĐC ngày 30/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của dự án Di dời 8 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2145/UBND – KT ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí để tính tiền bồi thường dự án Di dời 8 trụ điện.

Căn cứ danh sách cung cấp thông tin địa chính của từng hộ cá nhân ngày 30/9/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch;

Căn cứ Văn bản số 2667/VPĐK-NT-TTLT ngày 14/10/2025 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch về việc cung cấp thông tin vị trí các thửa đất tại dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo kết luận số 12/TB-HĐBT&TĐC ngày 05/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc thẩm định, phê duyệt phương án tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tại Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo kết luận số 153/TB-HĐBT&TĐC ngày 30/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc thẩm định, phê duyệt phương án tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tại Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Phương án số 36/PA-TTPTQĐ ngày 08/04/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ .

1/ Tổng quan Dự án:

- Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông giảm thiểu tình trạng quá tải, ùn tắc cục bộ trên địa bàn xã Phước An, tỉnh Đồng Nai đối với dự án với tổng diện tích thu hồi khoảng 15.354,3 m² (Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và tài sản giải tỏa khoảng: 39 hộ (trong đó 17 hộ có đất và 05 hộ tài sản trên đất người khác; 01 đất công do UBND xã quản lý, 01 đất năng lượng và 15 hộ ảnh hưởng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện).

2/ Diện tích, số hộ trình phương án:

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 3.760 m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 3.456m², trong đó
- + Đất trồng cây lâu năm: 1.157,3m²
- + Đất trồng cây hàng năm: 90m²
- + Đất trồng lúa: 2.208,7,0m²
- Đất phi nông nghiệp: 304,0m²
- + Đất ở tại nông thôn: 299m²
- + Đất giao thông: 5,0 m²

b. Tổng diện tích đất ảnh hưởng hành lang: 11.622,8 m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 11.278 m², trong đó
- + Đất trồng cây lâu năm: 3.494,1m²
- + Đất trồng cây hàng năm: 42.5m²
- + Đất trồng lúa: 7.741,4m²
- Đất phi nông nghiệp: 344,8m²
- + Đất giao thông: 8,0m²
- + Đất năng lượng: 170,8m²
- + Đất thủy lợi: 166m²

Tổng số 39 hộ (trong đó 17 hộ có đất và 05 hộ tài sản trên đất người khác; 01 đất công do UBND xã quản lý, 01 đất năng lượng và 15 hộ ảnh hưởng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện).

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An về việc thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo kết luận số 152/TBKL-HĐBTHT&TĐC ngày 30/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí đất của dự án Di dời 8 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2145/UBND – KT ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An

về việc xác định giá đất cụ thể từng vị trí để tính tiền bồi thường dự án Di dời 8 trụ điện.

2/ Bồi thường nhà, vật kiến trúc:

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5/ Phương án bố trí tái định cư:

Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024.

+ Kết quả xét cấp tái định cư:

Căn cứ Thông báo kết luận số 12/TB-HĐBT&TĐC ngày 05/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc thẩm định, phê duyệt phương án tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tại Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (Trong đó, 13 trường hợp không đủ điều kiện xét cấp 1 suất tái định cư theo khoản 4, Điều 111 Luật đất đai năm 2024).

Căn cứ Thông báo kết luận số 153/TB-HĐBT&TĐC ngày 30/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Phước An về việc thẩm định, phê duyệt phương án tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tại Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (Trong đó, 23 trường hợp hộ ông Nguyễn Danh Hưng đủ điều kiện xét cấp tái định cư theo khoản 4, Điều 111 Luật đất đai năm 2024 và 23 trường hợp không đủ điều kiện xét cấp 1 suất tái định cư theo khoản 4, Điều 111 Luật đất đai năm 2024).

Căn cứ Phương án số 36/PA-TTPTQĐ ngày 08/04/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (Trong đó, dự kiến 02 trường hợp không đủ điều kiện xét cấp tái định cư theo khoản 4, Điều 111 Luật đất đai năm 2024).

+ Phương án bố trí, giao tái định cư:

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu Tái định cư Phước An.

- Quy mô về quỹ đất dự kiến: 1.187 lô.
- Quy mô về hạ tầng kỹ thuật: Đã thi công hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích lô tái định cư trung bình dự kiến: 5m x 20m = 100 m².
- Hình thức tái định cư: Gio nền đất.

+ Nghĩa vụ tài chính đối với các hộ được bố trí tái định cư:

Tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

6/ Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

Trong phương án không có trường hợp phải di dời mồ mả.

7/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai. không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	11.022.853.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Bồi thường đất:	10.413.310.000	đồng
- Bồi thường Nhà, Vật kiến trúc:	359.447.000	đồng
- Bồi thường về cây trồng:	11.096.000	đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0	đồng
- Thương di dời:	239.000.000	đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (a) x 3,5%), trong đó:	385.800.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TPTQĐ (b) x 85%):	327.930.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (b) x 15%):	57.870.000	đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	11.408.653.000	đồng

(Bảng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 8, 9 và chính sách tái định cư)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: DỰ ĐOÀN TRUYỀN ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI
Địa chỉ: XA PHƯỚC AN

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngàythángnăm của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng	
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp				DT đất chưa sử dụng	Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)							Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)
			Tổng số	Đất ở nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm											
1	001 Trương Hoàng Sinh	E103 C/c 36 Bờ Bao, Tân Thăng, P Sơn Kỳ, Q Tân Phú, TPHCM	90			90						25,5	145.440.000			12.000.000		157.440.000	
2	002 Nguyễn Ngọc Luân - Trần Thị Vón	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai	483,5			483,5				483,5		372,8	686.211.000		2.482.000	20.000.000		708.693.000	
3	003 Nguyễn Văn Huệ - Võ Thị Tàu	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai	483			483				483		476,4	758.525.000		3.385.000	20.000.000		799.845.000	
4	004 Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai	198,3			198,3				198,3		192,7	309.390.000		1.158.000	16.000.000		326.548.000	
5	005 Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai														80.011.000		80.011.000	
6	006 Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	483			483				483		272	614.986.000		245.445.000	20.000.000		634.986.000	
7	007 Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hôn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai													456.000			245.901.000	
8	008 Nguyễn Lâm Thanh	78 Huyện Thanh Quan, P9, Q3, TPHCM	183			183				183		33	160.637.000			12.000.000		172.637.000	
9	009 Lê Thị Kim Lan	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, Tỉnh Đồng Nai	232			232				232		152,8	310.952.000			16.000.000		326.952.000	
10	010 Nguyễn Văn Năm - Nguyễn Thị Thanh Tâm	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0,5			0,5				0,5			439.000			2.000.000		2.439.000	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp			DT đất Nông nghiệp				DT đất chưa sử dụng									
			Tổng số	Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa		Đất trồng lúa								
11 011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	0,5			0,5			0,5									1.000.000	1.442.000
12 012	Phạm Thị Hoài	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	57,2			57,2			57,2					295	257.371.000		28.000	16.000.000	273.399.000
13 013	Trần Danh Hưng	Xóm Cồn, xã Xuân Tịnh, H Thọ Xuân, T Thanh Hóa	299	299	299									14	614.369.000			20.000.000	634.369.000
14 014	Nguyễn Ngọc Hiến	ấp 2, xã Bàu Lân, TP HCM (H Xuyên Mộc, T Bà Rịa - Vũng Tàu cũ)	202			202								476	416.119.000			16.000.000	432.119.000
15 015	Bùi Thị Lan	78 bà Huyện Thanh Quan, P Nhieu Lộc, TP HCM	42			42								1.037,7	36.868.000			4.000.000	40.868.000
16 016	Hà Văn Trương - Trương Thị A	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	497			497			497					211,5	584.791.000	9.780.000		20.000.000	614.571.000
17 017	Lê Minh Phương	390/79 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP HCM	227,5			227,5			227,5					3.703,3	2.802.589.000	3.745.000	1.061.000	20.000.000	2.827.395.000
18 018	Lê Thành Đạt Hùng	(BSD) ; Phạm Văn Hùng	49			49								534	79.184.000	2.531.000		8.000.000	89.715.000
19 019	Nguyễn Thị Trương Yên Vy (nhân chuyển nhượng)	11/2A KP2, P Trần Biên, tỉnh Đồng Nai	227,5			227,5			227,5					316	421.608.000			16.000.000	437.608.000
20 020	Phạm Thị Lan (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai												17					0
21 021	Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sè	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai												61,5					0
22 022	Trương Thị Hồng Thảo; Trương Thanh	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An												132,8					0

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thương di dời	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp			DT đất Nông nghiệp				DT đất chưa sử dụng									
			Tổng số	Đất ở	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa		Đất trồng lúa								
35	037 Lê Thành Hòa	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai										73	51.264.000			98.000			51.362.000
36	041 Trần Văn Tâm	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai										99				418.000			418.000
37	042 Trương Thanh Hiếu (TS DSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai																	0
38	043 Thảo (TS DSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai																	0
39	044 Trương Thanh Trung (TS DSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai																	0
Tổng			3.760	304	299	53.456	1.157,3	90	2.208,7	0	0	11.622,8	10.413.310.000	359.447.000	11.096.000	0	239.000.000	11.022.853.000	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			11.022.853.000
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																			385.800.000
Trong đó:																			
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường của TTP/QĐ (85%)																			327.930.000
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường của UBND xã (15%)																			57.870.000
Tổng cộng (1+2):																			11.408.653.000

Bảng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT (ĐỢT 1)
ĐỊA AN ĐI ĐỒI 08 TRỤ DIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TP HCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI
Địa chỉ: XÃ PHƯỚC AN

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQD ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chỉ nhanh Nhơn Trạch)

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Mức giá (đồng/m ²)	Vị trí	Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Chị chú
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất nông nghiệp						
1	001 Trương Hoàng Sinh	E103 C/c 36 Bờ Bao, Tân Thành, P Sơn Kỳ, Q Tân Phú, TpHCM	173	143	169	33,5	33,5	33,5	33,5	33,5	33,5	33,5	33,5	1.616.000	VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch
			173	142	593	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	1.616.000	VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533841 ngày 22/05/2025
			173	142	593	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	56,5	1.616.000	VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533840 ngày 22/05/2025
2	002 Nguyễn Ngọc Thị Vồn	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai	192	60	380										VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800			Được nhà nước công nhận QSD đất số BA 081691 ngày 06/12/2010
			192	61	1.025	483,5	483,5	483,5	483,5	483,5	483,5	483,5	483,5	483,5	877.800	VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800		Được nhà nước công nhận QSD đất số BA 081692 ngày 06/12/2010
			192	65	1.223	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	877.800	VT4; Đường Hùng Vương	877.800		Được nhà nước công nhận QSD đất CV
3	003 Nguyễn Văn Huệ - Võ Thị Tàu	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh	192	65	1.223	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	877.800	VT4; Đường Hùng Vương	877.800			Được nhà nước công nhận QSD đất CV	

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Ghi chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp			DT đất Phi nông nghiệp
7	009 Lê Thị Kim Lan	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	192	102	1.003	232	232	232	Đất giao thông	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	877.800	310.952.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số DD 109333 ngày 01/04/2022	huyện Nhơn Trạch
8	010 Nguyễn Văn Thị Thanh Tâm	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	192	62	1.199	0,5	0,5	0,5	Tổng giao thông	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	877.800	439.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số BE 178478 ngày 10/11/2011	
9	011 Chưa xác định chủ sử dụng		193	157	279	0,5	0,5	0,5								883.200	442.000	Chưa xác định	
10	012 Phạm Thị Hoài	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	192	265	492	57,2	57,2	57,2	Tổng nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	877.800	257.371.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số DI 835687 ngày 16/12/2022	
11	013 Trần Danh Hưng	Xóm Cồn, xã Xuân Tịnh, H Thọ Xuân, T Thanh Hóa	193	160	450	299	299	299	299	299	14	14	14	14	14	2.028.000	614.369.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số DL 546800 ngày 08/08/2023	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa từ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Mức giá (đồng/m ²)	Tình trạng pháp lý	Ghi chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp				DT đất Phi nông nghiệp
13	015	Bùi Thị Lan	78 bà Huyện Thanh Quan, Phường Nhiều Lộc, TP HCM	173	197	5.588,3	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp
14	016	Trương Thị A	ấp Chánh Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	192	105	1.809	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp
15	017	Lê Minh Phương	390/79 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 03, Quận 1, TP HCM	134	93,5	573	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa từ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Mức giá (đồng/m ²)	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng			
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSD, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSD với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	
		Phước An, tỉnh Đồng Nai				Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng			Nhóm Trạch
			173	302	321,5												
			192	271	153												
17	019	Nguyễn Thị Trương (cấp giấy) - Hồ Thị Yến Vy (nhận chuyển nhượng)	11/2A KP2, P Trãn Biên, tỉnh Đồng Nai	78	1.513	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Tổng	Được nhà nước công nhận QSD đất số L 578807 cấp ngày 24/04/2000 sử dụng ổn định, không tranh chấp		
			192	79	1.303										421.608.000		
18	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chánh Nghĩa, xã	29	568												Đã được ban hành Quyết định đất số BK



Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa từ thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất bồi thường (m²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)			Mức giá (đồng/m²)	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất bồi thường	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất bồi thường			
	UBND ngày 07/12/2010	Phước An (Vinh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai,															5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch
23 026	Trần Hải Nhân	ấp Chánh Nghĩa, xã Phước An (Vinh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	173	171	145												Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533003 ngày 03/06/2025
24 027	Hà Văn Tạo - Nguyễn Thị Ngọc Thùy	ấp Chánh Nghĩa, xã Phước An (Vinh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	192	269	700												Được nhà nước công nhận QSD đất số DD 943667 ngày 08/03/2022
24 027	Hà Văn Tạo - Nguyễn Thị Ngọc Thùy	ấp Chánh Nghĩa, xã Phước An (Vinh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	192	83	499												Được Nhà nước công nhận QSD đất số BE 153670 ngày 30/12/2011
25 028	Vòng Đăng Sáng	KP.16, P Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	192	106	910												Được Nhà nước công nhận QSD đất số AA 05586535 ngày 11/12/2025
26 029	Nguyễn Văn Hiền	44/13A KP7, P An Khánh, TpHCM	192	88	914												Được nhà nước công nhận QSD đất số DA 755498 ngày 09/02/2021

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Mức giá (đồng/m ²)	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất phi nông nghiệp	DT đất nông nghiệp	DT đất nông nghiệp			
30 033	Nguyễn Trọng Hiếu	ấp 3 xã Nhơn Trạch (Phú Thạnh cũ), tỉnh Đồng Nai	192 217	820	75,7												
31 034	Chưa xác định	Chưa xác định	173 116	75,8													Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch
32 035	UBND xã Phước An	UBND xã Phước An	192 76	45													



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
DỰ ÁN: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỀN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI
Địa chỉ: XÃ PHƯỚC AN

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày).....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch

Số Mã TT số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	001 Trương Hoàng Sinh	Nhà (VK.T bỏ hoang không ở) Hàng rào lưới B40 Trụ điện bằng ống sắt tráng kẽm D90	m ² m ² trụ	33,6 10,8 4		0 101.000 864.000	30 0 0	0 0 0		Ao sử dụng sai mục đích (căn cứ theo Điều 105 Luật đất đai, Quyết định số 42 tại K2, Điều 7)	XD 2014 AHHL AHHL
	Tổng										TH (XD 2024)
2	003 Nguyễn Văn Huệ - Võ Thị Tàu	Chuong gá, vít thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất Chuong gá, vít thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất Tường xây cao dưới 1,6 m Trụ bê tông cầm ranh hàng rào cao 1,2 đến 2,2 m Hỗ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy Nền ciment đá dăm dày 10cm Hàng rào lưới B40	m ² m ² mét dài trụ m ³ m ² m ²	8,6 4,73 25 8 2,88 5,55 45		508.000 508.000 323.000 58.000 576.000 163.000 101.000	80 80 80 80 80 80 80	3.495.000 1.922.000 6.460.000 371.000 1.327.000 724.000 3.636.000 17.935.000	Thửa đất số 65, tờ 192 và thửa đất số 66, tờ 192 và thửa đất số 67, tờ 192		AHTH TH TH TH TH TH
3	004 Lê Hoàng Tuấn	Mái che, mái hiên (giá cao)	m ²	28,2		720.000	0	0	Thửa đất số 267, tờ 192	Thuộc đường dây hiện hữu 220kv	XD 2024 hiện hữu 220kv
	Tổng										XD 2024 TH AH TH MT THMT MT MT pi 49 MT MT MT
4	005 Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1 Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1 Di dời bồn nước: Bồn inox - Từ 1.000 lít - 2.000 lít Khung đỡ bồn nước cao trên 3 mét Hỗ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy - Nền lát gạch tàu Ống nước nhựa PVC pi 90 Ống nước nhựa PVC pi 42 Ống nước nhựa PVC pi 21 Ống nước nhựa PVC pi 27	Đồng/m ² sàn Đồng/m ² sàn cái cái m ² mét mét mét mét	9,68 12,16 1 1 4 2 1 6 15		4.363.000 4.363.000 518.000 2.160.000 156.000 72.300 25.800 12.000 15.700	80 80 100 100 100 100 100 100 100	33.787.000 42.443.000 518.000 2.160.000 624.000 145.000 26.000 72.000 236.000	Thửa đất số 267, tờ 61		

Số Mã TT số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
Tổng												
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	22,372		4.363.000	80	78.087.000			XD 2024	
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	29,988		4.363.000	80	104.670.000			AH	
		Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	8.552		4.363.000	80	29.850.000			AH	
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	15,04		1.854.000	80	22.307.000		Thửa đất số , tờ		
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	3,1		1.854.000	80	4.598.000				
		Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	4		1.854.000	80	5.933.000				
		Tổng										
		245.445.000										
6	014 Nguyễn Ngọc Hiến	Công đào (ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước, ao do cát tạo từ lòng suối, từ đầm phá, từ hố bơm để thành ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước tưới)	đồng/m ³	366,3		42.000	0	0		Thửa đất số 159, tờ 193 và thửa đất số 161, tờ 193	Nhà, VKT bỏ hoang không sử dụng (căn cứ theo Điều 105 Luật đất đai, Điều 4, Điều 12 Nghị định 88/2024/NĐ-CP)	Sai mục đích
Tổng												
		0										
7	016 Hà Văn Trung - Trương Thị A	Giếng khoan thủ công Φ60 mm	mét	60		163.000	100	9.780.000		Thửa đất số 105, tờ 192		
Tổng												
		9.780.000										
8	017 Lê Minh Phương	Giếng thả ống cement (kế cả lắp đặt) - Ong 1 m Φ1,2 m	cái	1		485.000	100	485.000		Thửa đất số 158, tờ 193 và thửa đất số 324, tờ 193 và thửa đất số 323, tờ 193 và thửa đất số 90, tờ 192 và thửa đất số 196, tờ 192 và thửa đất số 197, tờ 192 và thửa đất số 198, tờ 192		TH
Tổng												
		3.745.000										
		Vật kiến trúc bỏ hoang không sử dụng	m ²	46,44		0	30	0				hàng xây + nền
		Tường rào xây gạch hoặc xây gạch có khung lưới B40 (có tô, trát)	đồng/m ²	5		382.000	100	1.910.000		Thửa đất số 304, tờ 173 và thửa đất số 303, tờ 173 và thửa đất số 302, tờ 173		
		Hàng rào lưới B40	m ²	5		101.000	100	505.000				
		Từ bê tông cấm ranh hàng rào cao 1,2 đến 2,2 m	trụ	2		58.000	100	116.000				
Tổng												
		2.531.000										
10	020 Phạm Thị Lanh (chức) - chưa xác định thửa kế	Nhà C4H2	m ²	11,969		3.925.000	0	0		Thửa đất số 29 (173, tờ 42	Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhom Trách	XD 2008 (AHHL) hiện thửa 110kv
		Nhà C4H2	m ²	0,175		3.925.000	0	0				
Tổng												
		0										
11	021 Trương Thanh Nga - Nguyễn Thị Sè	Nhà C4H1	m ²	32,732		4.363.000	0	0		Thửa đất số 30 (173, tờ 42	Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhom Trách	XD 2009 (AHHL) hiện thửa 110kv

Số Mã TT số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
							BT	HT				
	Tổng								0			
		Nhà C4H1	m ²	42,078		4.363.000		0	0			
		Nhà C4H3	m ²	6,45		3.489.000		0	0			
		Nhà C4H4	m ²	8,64		3.054.000		0	0			
		Mái che, mái hiên	m ²	1,7		720.000		0	0			
		Mái che, mái hiên	m ²	6,45		720.000		0	0			
		Mái che, mái hiên	m ²	5,6		720.000		0	0			
	Tổng			1		0		100	0			
13	042 Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m ²	54,161		3.925.000		0	0		Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch	XD 2018 hiện hữu 110kv
	Tổng								0			
14	043 Trương Thị Hồng Tháo (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m ²	35,958		3.925.000		0	0		Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch	XD 2018 hiện hữu 110kv
		Nhà C4H2	m ²	18,828		3.925.000		0	0			Hiện hữu 110kv
	Tổng								0			
15	044 Trương Thanh Trung (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m ²	37,512		3.925.000		0	0		Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch	XD 2018 (một phần ts trên đất bà Ngà + bà Sê (hiện hữu 110kv)
		Nhà C4H2	m ²	37,512		3.925.000		0	0		Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch	XD 2018 (một phần ts trên đất bà Ngà + bà Sê (hiện hữu 110kv)
	Tổng								0			
									359.447.000			

Bảng chú: Ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng

Nhơn Trạch, ngày tháng năm



CHI NHÁNH NHON TRACH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

DỰ ÁN: ĐI ĐỐI 08 TRỤ DIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: XÃ PHƯỚC AN

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch).

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ			Hỗ trợ đào tạo, học nghề	Hỗ trợ đổi tượng thuộc diện chính sách								
1 001	Trương Hoàng Sinh	E103 C/c 36 Bờ Bao, Tân Thới, P Sơn Kỳ, Q Tân Phú, TpHCM	0	0												12.000.000	12.000.000
2 002	Nguyễn Ngọc Luân - Trần Thị Vồn	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai	0	0												20.000.000	20.000.000
3 003	Nguyễn Văn Huệ - Võ Thị Tâu	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai	0	0												20.000.000	20.000.000
4 004	Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai	0	0												16.000.000	16.000.000
5 005	Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0													
6 006	Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												20.000.000	20.000.000
7 007	Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hôn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0													
8 008	Nguyễn Lâm Thanh	78 Huyện Thanh Quan, P9, Q3, TpHCM	0	0												12.000.000	12.000.000
9 009	Lê Thị Kim Lan	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, Tỉnh Đồng Nai	0	0												16.000.000	16.000.000
10 010	Nguyễn Văn Năm - Nguyễn Thị Thanh Tâm	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												2.000.000	2.000.000
11 011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	0	0												1.000.000	1.000.000
12 012	Phạm Thị Hoài	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												16.000.000	16.000.000
13 013	Trần Danh Hưng	Xóm Cồn, xã Xuân Tỉnh, H Thọ Xuân, T Thanh Hóa	0	0												20.000.000	20.000.000

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ													
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề																				
30 031	Nguyễn Văn Tư	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0																								
31 032	Huỳnh Thị Gái	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0																								
32 033	Nguyễn Trọng Hiếu	ấp 3 xã Nhơn Trạch (Phù Thành cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0																								
33 034	Chưa xác định (DNL173/168)	Chưa xác định	0	0																								
34 035	UBND xã Phước An	UBND xã Phước An	0	0																								
35 037	Lê Thành Hòa	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0																								
36 041	Trần Văn Tâm	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0																								
37 042	Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0																								
38 043	Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0																								
39 044	Trương Thanh Trung (TS ĐSD Tháo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0																								
Tổng cộng													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	239.000.000	239.000.000

Bảng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu đồng





CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 020

Họ và tên: Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 42/29 (173/29)

- Diện tích thửa: 568m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 17 m²

- Loại đất thu hồi: HNK

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BK 399681 ngày 25/07/2013

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhon Trạch

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

-

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây hàng năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	17	1.616.000	0		0	AHHL (173/29) hiện hữu 110kv
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H2	m ²	11,969	3.925.000	0		0	XD 2008 (AHHL) hiện hữu 110kv
2	Nhà C4H2	m ²	0,175	3.925.000	0		0	
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.

**BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ****A. Thông tin chung**

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 021

Họ và tên: Trương Thanh Nga - Nguyễn Thị Sê

- Mã số định danh/số căn cước: 271166333 - 270873913

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 42/30 (173/30)

- Diện tích thửa: 160m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 61,5 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AO 584586 ngày 04/12/2009

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất						0	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)								
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	61,5	1.616.000	0		0	AHHL (173/30) hiện hữu 110kv
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H1	m ²	32,732	4.363.000	0		0	XD 2009 (AHHL) hiện hữu 110kv
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 008

Họ và tên: Nguyễn Lâm Thanh

- Mã số định danh/số căn cước: 079077032579

- Địa chỉ thường trú: 78 Huyện Thanh Quan, P9, Q3, TpHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/196

- Diện tích thửa: 2.453m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 183 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 33 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BU 522669 ngày 17/11/2015

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

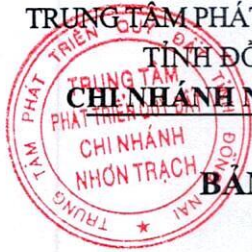
- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						160.637.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	183	877.800	100		160.637.000	TH (173/196) Đã được hỗ trợ tại QĐ số 5636/QĐ- UBND ngày 07/12/2010
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	33	877.800	0		0	AHHL (173/196)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Cây mít - Năm thứ 4 trở đi (thời kỳ kinh doanh)	Cây	1	0	0		0	AHHL, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
2	Tre mỡ	Cây	5	0	0		0	AHHL, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
3	Keo lá tràm	Cây	8	0	0		0	TH, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
4	Sầu đâu	Cây	4	0	0		0	TH, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
CỘNG							160.637.000	
THƯỜNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							172.637.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 041

Họ và tên: Trần Văn Tâm

- Mã số định danh/số căn cước: 075062006908

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/300

- Diện tích thửa: 230m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 6 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: được nhà nước công nhận QSD đất số AA 02590162 cấp ngày 10/06/2025

- Số tờ/thửa: 173/299

- Diện tích thửa: 468,2m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 93 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: được nhà nước công nhận QSD đất số AA 02590163 cấp ngày 10/06/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

-

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	6	1.616.000	0		0	AH (173/300)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	93	1.616.000	0		0	AH (173/299)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H1	m ²	42,078	4.363.000	0		0	XD 2022
2	Nhà C4H3	m ²	6,45	3.489.000	0		0	XD 2017
3	Nhà C4H4	m ²	8,64	3.054.000	0		0	
4	Mái che, mái hiên	m ²	1,7	720.000	0		0	
5	Mái che, mái hiên	m ²	6,45	720.000	0		0	
6	Mái che, mái hiên	m ²	5,6	720.000	0		0	
7			1	0	100		0	
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						418.000	
1	Mía	m2	2	8.605		50	9.000	AHHL
2	Cây mận (roi) (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	1	343.803	0		0	AHHL
3	Cây mít (Năm thứ 1)	Cây	1	168.775	0		0	AHHL
4	Chanh (năm thứ 2)	Cây	2	203.571		80	326.000	AHHL
5	đỉnh lăng	Cây	3	36.700		50	55.000	AHHL
6	Cây chuối	m2	2	28.000		50	28.000	AHHL
CỘNG							418.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 037

Họ và tên: Lê Thành Hòa

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/51

- Diện tích thửa: 80m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 73 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Do cha mẹ khai phá 1975 sử dụng ổn định đến năm 2001 cho lại con Lê Hùng Cường sử dụng. đến năm 2007 cho lại con Lê Thành Hòa tiếp tục sử dụng. ổn định không tranh chấp

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						51.264.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	73	877.800	80		51.264.000	AHHL (192/51)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						98.000	
1	Cây chuối	m ²	7	28.000		50	98.000	AHHL
2	Cây mít (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	2	1.150.540		0	0	AHHL
CỘNG							51.362.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							51.362.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 035

Họ và tên: UBND xã Phước An

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: UBND xã Phước An

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/229

- Diện tích thửa: 37m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 7 m²

- Loại đất thu hồi: DGT

- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã Phước An quản lý

- Số tờ/thửa: 192/231

- Diện tích thửa: 3.039m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 1 m²

- Loại đất thu hồi: DGT

- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã Phước An quản lý

- Số tờ/thửa: 192/232

- Diện tích thửa: 1.822m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 106 m²

- Loại đất thu hồi: DTL



- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã Phước An quản lý
- Số tờ/thửa: 192/233
- Diện tích thửa: 2.204m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 60 m²
- Loại đất thu hồi: DTL
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã Phước An quản lý
- Số tờ/thửa: 173/192
- Diện tích thửa: 748m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 5 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: DGT
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã Phước An quản lý
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất giao thông; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	7	0	0		0	AHHL (192/231)
2	Đất giao thông; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	1	0	0		0	AHHL (192/229)
3	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	106	0	0		0	AHHL (192/232)
4	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	60	0	0		0	AHHL (192/233)
5	Đất giao thông; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	5	0	0		0	TH (173/192)

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
	quản lý							
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	





BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 034

Họ và tên: Chưa xác định (DNL173/168)

- Mã số định danh/số căn cước:
- Địa chỉ thường trú: Chưa xác định
- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:
- Tham gia BHXH:
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/168
- Diện tích thửa: 75,7m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 50 m²
- Loại đất thu hồi: DNL
- Nguồn gốc đất: Chưa xác định
- Số tờ/thửa: 173/116
- Diện tích thửa: 75,8m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 75,8 m²
- Loại đất thu hồi: DNL
- Nguồn gốc đất: Chưa xác định
- Số tờ/thửa: 192/76
- Diện tích thửa: 45m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 45 m²
- Loại đất thu hồi: DNL

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	50	0	0		0	AHHL (173/168)
2	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	75,8	0	0		0	AHHL (173/116)
3	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	45	0	0		0	AHHL (191/76)
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 033

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu

- Mã số định danh/số căn cước: 272185933

- Địa chỉ thường trú: ấp 3 xã Nhơn Trạch (Phú Thạnh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/217

- Diện tích thửa: 820m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 116 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BA 728836 ngày 07/07/2010

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						81.460.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
<i>đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)</i>								
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	116	877.800	80		81.460.000	AHHL (192/217)
CỘNG							81.460.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							81.460.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 032

Họ và tên: Huỳnh Thị Gái

- Mã số định danh/số căn cước: 075164005790

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/96

- Diện tích thửa: 276m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 220 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212010 ngày 19/09/2010

- Số tờ/thửa: 192/110

- Diện tích thửa: 83m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 13,5 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212002 ngày 19/09/2010

- Số tờ/thửa: 192/111

- Diện tích thửa: 252m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 131 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212008 ngày 19/09/2010
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						255.966.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	220	877.800	80		154.493.000	AHHL (192/96)
2	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	13,5	877.800	80		9.480.000	AHHL (192/110)
3	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	131	877.800	80		91.993.000	AHHL (192/111)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Keo lá tràm	Cây	57	22.043		0	0	
2	Keo lá tràm	Cây	15	15.384		0	0	
CỘNG							255.966.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							255.966.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 031

Họ và tên: Nguyễn Văn Tư

- Mã số định danh/số căn cước: 270715947

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/93

- Diện tích thửa: 1.401m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 661 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CE 054364 ngày 15/08/2016

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						464.181.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	661	877.800	80		464.181.000	AHHL (192/93)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						2.010.000	
1	Lúa (Đồng xuân)	ha	0,058	37.050.000		50	1.078.000	
2	Cây rau gia vị các loại	ha	0,001	145.000.000		50	36.000	
3	Rau dền	ha	0,003	280.000.000		50	476.000	Rau muống
4	Cây Me (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	4	4.723.774		0	0	LUC
5	Cây Xoài (Năm thứ 3)	Cây	1	584.982		0	0	LUC
6	Cây chuối	m ²	30	28.000		50	420.000	
7	So đũa	Cây	5	85.815		0	0	
CỘNG							466.191.000	
THƯƠNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							466.191.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 030

Họ và tên: Nguyễn Xuân Thủy

- Mã số định danh/số căn cước: 075164010261

- Địa chỉ thường trú: ấp Thống Nhất, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/92

- Diện tích thửa: 1.635m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 625,6 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AN 336369 ngày 14/05/2009

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						357.343.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	625,6	714.000	80		357.343.000	AHHL (192/92)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Tre mỡ	Cây	11	13.000		0	0	AHHL LUC
CỘNG							357.343.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							357.343.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỀN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 029

Họ và tên: Nguyễn Văn Hiền

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: 44/13A KP7, P An Khánh, TpHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/88

- Diện tích thửa: 914m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 9,7 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DA 755498 ngày 09/02/2021

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						6.812.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	9,7	877.800	80		6.812.000	AHHL (192/88)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Keo lá tràm	Cây	6	0	0		0	AHHL, thuộc đường dây 220kV hiện hữu
CỘNG							6.812.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							6.812.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 028

Họ và tên: Vòng Đông Sáng

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: KP.16, P Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/106

- Diện tích thửa: 910m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 413 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Nhà nước công nhận QSD đất số AA 05586535 ngày 11/12/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: không có tài sản

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo điều 111 luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						348.803.000	
1	Đất trồng lúa; VT3; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	413	1.055.700	80		348.803.000	AHHL (192/106)
CỘNG							348.803.000	
THƯƠNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							348.803.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 027

Họ và tên: Hà Văn Tạo -Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Mã số định danh/số căn cước: 270715964 - 271166344

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/83

- Diện tích thửa: 499m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 482,7 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được Nhà nước công nhận QSD đất số BE 153670 ngày 30/12/2011

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						624.035.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	482,7	1.616.000	80		624.035.000	AHHL (192/83)
CỘNG							624.035.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							624.035.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 026

Họ và tên: Trần Hải Nhân

- Mã số định danh/số căn cước: 075084019667

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/269

- Diện tích thửa: 700m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 33,5 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số ĐĐ 943667 ngày 08/03/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						23.525.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	33,5	877.800	80		23.525.000	AHHL (192/269)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Cây Dừa (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	1	1.387.626		0	0	AHHL
CỘNG							23.525.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							23.525.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 024

Họ và tên: Lê Đức Sang (Đã bồi thường tại QĐ số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010)

- Mã số định danh/số căn cước: 075203201667

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai,

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/170

- Diện tích thửa: 40m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 40 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533004 ngày 03/06/2025

- Số tờ/thửa: 173/171

- Diện tích thửa: 145m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 5 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533003 ngày 03/06/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	40	877.800	0		0	AHHL (173/170)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	5	1.616.000	0		0	AHHL (173/171)
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 023

Họ và tên: Châu Thùy Tiên

- Mã số định danh/số căn cước: 075189012667

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/32

- Diện tích thửa: 40m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 31 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 03634417 ngày 13/08/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	31	1.616.000	0		0	AHHL (173/32)
CỘNG							0	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 022

1. Họ và tên: Trương Thị Hồng Thảo

- Mã số định danh/số căn cước: 075192012922

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

2. Họ và tên: Trương Thanh Hiếu

- Mã số định danh/số căn cước: 075089008935

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

3. Họ và tên: Trương Thanh Trung

- Mã số định danh/số căn cước: 075094010655

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/31

- Diện tích thửa: 202m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 132,8 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CH 383121, 383122, 383123 ngày

22/05/2017

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

-

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	132,8	1.616.000	0		0	AHHL (173/31) hiện hữu 110kv
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

**BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ****A. Thông tin chung**

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 043

Họ và tên: Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)

- Mã số định danh/số căn cước: 075192012922

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch**5. Thông tin về tái định cư:**

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H2	m ²	35,958	3.925.000	0		0	XD 2018 hiện hữu 110kv
2	Nhà C4H2	m ²	18,828	3.925.000	0		0	hiện hữu 110kv
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	





BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 042

Họ và tên: Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)

- Mã số định danh/số căn cước: 075089008935

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H2	m ²	54,161	3.925.000	0		0	XD 2018 hiện hữu 110kv
CỘNG							0	
THƯƠNG DI DỜI							0	

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 044

Họ và tên: Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)

- Mã số định danh/số căn cước: 075094010655

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Đã được ban hành Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND huyện Nhơn Trạch

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2014

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà C4H2	m ²	37,512	3.925.000	0		0	XD 2018 (một phần ts trên đất bà Ngà + bà Sê (hiện hữu 110kv)
2	Nhà C4H2	m ²	37,512	3.925.000	0		0	XD 2018 (một phần ts

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
								trên đất bà Ngà + bà Sê (hiện hữu 110kv)
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TRUNG TÂM
HÀT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày . . tháng . . năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 001

Họ và tên: Trương Hoàng Sinh

- Mã số định danh/số căn cước: 051081000042

- Địa chỉ thường trú: E103 C/c 36 Bờ Bao, Tân Thắng, P Sơn Kỳ, Q Tân Phú, TpHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Tham gia BH (Cty TNHH cấp điện CADICOM)

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/143

- Diện tích thửa: 169m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 33,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: HNK

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533841 ngày 22/05/2025

- Số tờ/thửa: 173/142

- Diện tích thửa: 593m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 56,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 25,5 m²

- Loại đất thu hồi: HNK

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 01533840 ngày 22/05/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Ao sử dụng sai mục đích (căn cứ theo Điều 105 Luật đất đai, Quyết định số 42 tại K2, Điều 7)

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						145.440.000	
1	Đất trồng cây hàng năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	33,5	1.616.000	100		54.136.000	TH (173/143)
2	Đất trồng cây hàng năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	56,5	1.616.000	100		91.304.000	TH (173/142)
3	Đất trồng cây hàng năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	25,5	1.616.000	0		0	AHHL (173/142)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Nhà (VKT bỏ hoang không ở)	m ²	33,6	0	30		0	XD 2014
2	Hàng rào lưới B40	m ²	10,8	101.000		0	0	AHHL
3	Trụ điện bằng ống sắt tráng kẽm D90	trụ	4	864.000		0	0	AHHL
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Vôi thuốc	Cây	8	102.978		0	0	AHHL
CỘNG							145.440.000	
THƯƠNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							157.440.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 002

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Luân - Trần Thị Vón

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/61

- Diện tích thửa: 1.025m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 483,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 92 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BA 081692 ngày 06/12/2010

- Số tờ/thửa: 192/60

- Diện tích thửa: 380m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 280,8 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BA 081691 ngày 06/12/2010

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						686.211.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	483,5	877.800	100		424.416.000	TH (192/61)
2	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	92	877.800	80		64.606.000	AHHL (192/61)
3	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	280,8	877.800	80		197.189.000	AHHL (192/60)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						2.482.000	
1	Lúa (Đông xuân)	ha	0,048	37.050.000	100		1.791.000	TH
2	Lúa (Đông xuân)	ha	0,037	37.050.000		50	691.000	AH
CỘNG							688.693.000	
THƯƠNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							708.693.000	

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 003

Họ và tên: Nguyễn Văn Huệ - Võ Thị Tàu

- Mã số định danh/số căn cước: 270288022 - 270287904

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh (xã Phước An), T Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/65

- Diện tích thửa: 1.223m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUA

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất CV 998967 ngày 09/07/2020

- Số tờ/thửa: 192/66

- Diện tích thửa: 568m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 122 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 60 m²

- Loại đất thu hồi: LUA

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất CV 998966 ngày 09/07/2020

- Số tờ/thửa: 192/67

- Diện tích thửa: 1.394m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 360,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 416,4 m²

- Loại đất thu hồi: LUA

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất CV 998968 ngày 09/07/2020

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:



5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						758.525.000	
1	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	0,5	877.800	100		439.000	TH (61/65)
2	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	122	877.800	100		107.092.000	TH (61/66)
3	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	360,5	877.800	100		316.447.000	TH (61/67)
4	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	416,4	877.800	80		292.413.000	AHHL (61/67)
5	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	60	877.800	80		42.134.000	AHHL (61/66)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						17.935.000	
1	Chuồng gà, vịt thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất	m ²	8,6	508.000	80		3.495.000	TH (XD 2024)
2	Chuồng gà, vịt thô sơ - Khung cây, mái tôn, nền đất	m ²	4,73	508.000	80		1.922.000	AHTH
3	Tường xây cao dưới 1,6 m	mét dài	25	323.000	80		6.460.000	TH
4	Hàng rào lưới B40	m ²	45	101.000	80		3.636.000	TH
5	Trụ bê tông cắm ranh hàng rào cao 1,2 đến 2,2 m	trụ	8	58.000	80		371.000	TH
6	Hồ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy	m ³	2,88	576.000	80		1.327.000	TH
7	Nền ciment đá dăm dày 10cm	m ²	5,55	163.000	80		724.000	TH
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						3.385.000	
1	Lúa (Đồng xuân)	ha	0,036	37.050.000	100		1.334.000	
2	họ cây mai (từ năm thứ 5-10)	Cây	16	72.300	80		925.000	LUC
3	Cây Đu đủ (Năm 1)	Cây	6	28.967	80		139.000	LUC

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
4	Cây Dừa (Năm thứ 1)	Cây	7	0	0		0	LUC, nằm dưới đường dây 220kV hiện hữu
5	Cây Dừa (Năm 1)	Cây	19	6.883	80		105.000	LUC
6	Lúa (Đông xuân)	ha	0,048	37.050.000		50	882.000	HL
CỘNG							779.845.000	
THƯỜNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							799.845.000	



STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
5	Hồ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy - Nền lát gạch tàu	m ²	4	156.000	100		624.000	MT
6	Ống nước nhựa PVC pi 90	mét	2	72.300	100		145.000	MT
7	Ống nước nhựa PVC pi 42	mét	1	25.800	100		26.000	pi 49 MT
8	Ống nước nhựa PVC pi 21	mét	6	12.000	100		72.000	MT
9	Ống nước nhựa PVC pi 27	mét	15	15.700	100		236.000	MT
CỘNG							80.011.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 004

Họ và tên: Lê Hoàng Tuấn

- Mã số định danh/số căn cước: 075200019649

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/267

- Diện tích thửa: 1.021m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 198,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 192,7 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được công nhận QSD đất số DA 756551 ngày 15/04/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Thuộc đường dây hiện hữu 220kv

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						309.390.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	198,3	877.800	100		174.068.000	TH (192/267)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	192,7	877.800	80		135.322.000	AHHL (192/267)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Mái che, mái hiên (giá cao)	m ²	28,2	720.000	0		0	XD 2024 hiện hữu 220kv
2			1	0	100		0	
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.158.000	
1	Cây chuối	m ²	24	28.000		50	336.000	
2	Cây chuối	m ²	23	28.000		100	644.000	(TH)
3	Cây Xoài (Năm thu hoạch thứ 6-10)	Cây	2	2.984.982		0	0	hiện hữu 220kv
4	Cây Ổi (Năm thu hoạch thứ 7-9)	Cây	3	302.091		0	0	nt
5	Tắc	Cây	1	172.000		50	86.000	
6	Cây Mãng cầu na (Năm thứ 1)	Cây	1	94.626		0	0	nt
7	Cây Cóc (Năm thứ 2)	Cây	1	390.457		0	0	nt
8	họ cây mai (từ năm thứ 1-4)	Cây	5	36.700		50	92.000	
CỘNG							310.548.000	
THƯƠNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							326.548.000	

**BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ****A. Thông tin chung**

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 009

Họ và tên: Lê Thị Kim Lan

- Mã số định danh/số căn cước: 271386432

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, Tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: không

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : không

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Tham gia BHXH (Cty TNHH SCANSIA PACIFIC

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/102

- Diện tích thửa: 1.003m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 232 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 152,8 m²

- Loại đất thu hồi: LUK

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DD 109333 ngày 01/04/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:**5. Thông tin về tái định cư:**

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						310.952.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)								
1	Đất trồng lúa khác; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	232	877.800	100		203.650.000	TH (192/102)
2	Đất trồng lúa khác; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	152,8	877.800	80		107.302.000	AHHL (192/102)
CỘNG							310.952.000	
THƯỜNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							326.952.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 010

Họ và tên: Nguyễn Văn Năm - Nguyễn Thị Thanh Tâm

- Mã số định danh/số căn cước: 075067015936 - 075167005227

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/62

- Diện tích thửa: 1.199m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUA

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BE 178478 ngày 10/11/2011

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						439.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	0,5	877.800	100		439.000	TH (61/62)
CỘNG							439.000	
THƯỞNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							2.439.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TẠO ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TP HCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 011

Họ và tên: Chưa xác định chủ sử dụng

- Mã số định danh/số căn cước: .

- Địa chỉ thường trú: chưa xác định

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 193/157

- Diện tích thửa: 279m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						442.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	0,5	883.200	100		442.000	TH (193/157)
CỘNG							442.000	
THƯƠNG DI DỜI							1.000.000	
TỔNG CỘNG							1.442.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 012

Họ và tên: Phạm Thị Hoài

- Mã số định danh/số căn cước: 036190018125

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/265

- Diện tích thửa: 492m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 57,2 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 295 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DI 835687 ngày 16/12/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						257.371.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)								
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	57,2	877.800	100		50.210.000	TH (192/265)
2	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	295	877.800	80		207.161.000	AHHL (192/265)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						28.000	
1	Cây chuối	m ²	2	28.000		50	28.000	
CỘNG							257.399.000	
THƯỜNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							273.399.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 013

Họ và tên: Trần Danh Hưng

- Mã số định danh/số căn cước: 038078024684

- Địa chỉ thường trú: Xóm Cồn, xã Xuân Tín, H Thọ Xuân, T Thanh Hóa

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 193/160

- Diện tích thửa: 450m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 299 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 14 m²

- Loại đất thu hồi: ONT, CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DL 546800 ngày 08/08/2023

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						614.369.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)								
1	Đất ở tại nông thôn; VT4 (hèm còn lại); Đường Đê Ông Kèo đoạn qua các xã: Phú Hữu, Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Phú Đông (từ ngã 3Thánh thất Phú Hữu đến đường Hùng Vương đoạn qua xã Vĩnh Thanh) tại xã Vĩnh Thanh nay là xã Phước An)	m ²	299	2.028.000	100		606.372.000	TH (193/160)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	14	714.000	80		7.997.000	AHHL (193/160)
CỘNG							614.369.000	
THƯƠNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							634.369.000	

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 014

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hiến

- Mã số định danh/số căn cước: 273124943

- Địa chỉ thường trú: ấp 2, xã Bà Lâm, TPHCM (H Xuyên Mộc, T Bà Rịa - Vũng Tàu cũ)

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 193/159

- Diện tích thửa: 1.361m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 170 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 476 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CU 953199 ngày 20/03/2020

- Số tờ/thửa: 193/161

- Diện tích thửa: 487m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 32 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CU 953200 ngày 20/03/2020

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Nhà, VKT bỏ hoang không sử dụng (căn cứ theo Điều 105 Luật đất đai, Điều 4, Điều 12 Nghị định 88/2024/NĐ-CP)

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

-

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						416.119.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	170	714.000	100		121.380.000	TH (193/159)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	476	714.000	80		271.891.000	AH (193/159)
3	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	32	714.000	100		22.848.000	TH (193/161)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						0	
1	Công đào (ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước, ao do cải tạo từ lòng suối, từ đầm phá, từ hồ bom để thành ao nuôi trồng thủy sản hoặc làm hầm chứa nước tưới)	đồng/m ³	366,3	42.000	0		0	Sai mục đích
CỘNG							416.119.000	
THƯƠNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							432.119.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 015

Họ và tên: Bùi Thị Lan

- Mã số định danh/số căn cước: 020050013

- Địa chỉ thường trú: 78 bà Huyện Thanh Quan, P Nhiêu Lộc, TPHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Tham gia BHXH (Hưu Trí)

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/197

- Diện tích thửa: 5.588,3m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 42 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 1.037,7 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CD 305845 ngày 26/01/2016

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						36.868.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)								
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	42	877.800	100		36.868.000	TH (173/197)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	1.037,7	877.800	0		0	AHHL (173/197)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	
1	Bằng lăng nước	Cây	1	0	0		0	TH, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
2	Bò lòi ba vì	Cây	5	0	0		0	TH, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
3	Sầu đâu	Cây	3	0	0		0	TH, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
4	Bò lòi ba vì	Cây	46	0	0		0	AHHL, thuộc đường dây 110kV hiện hữu
CỘNG							36.868.000	
THƯỜNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							40.868.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 016

Họ và tên: Hà Văn Tương - Trương Thị A

- Mã số định danh/số căn cước: 270873914

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/105

- Diện tích thửa: 1.809m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 497 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 211,5 m²

- Loại đất thu hồi: LUA

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BE 167126 ngày 10/11/2011

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

-

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá						584.791.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
<i>đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)</i>								
1	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	497	877.800	100		436.267.000	TH (192/105)
2	Đất lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	211,5	877.800	80		148.524.000	AHHL (192/105)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						9.780.000	
1	Giếng khoan thủ công Φ60 mm	mét	60	163.000	100		9.780.000	
CỘNG							594.571.000	
THƯỜNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							614.571.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ ĐXC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 018

1. Họ và tên: Lê Thành Đạt (ĐSD)

- Mã số định danh/số căn cước: 271305680

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

2. Họ và tên: Phạm Văn Hùng

- Mã số định danh/số căn cước: 075077017483

- Địa chỉ thường trú: ấp Thanh Minh, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/304

- Diện tích thửa: 336,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 49 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 158 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 03007292 ngày 28/06/2025

- Số tờ/thửa: 173/303

- Diện tích thửa: 340m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 211 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 03007290 ngày 06/09/2018

- Số tờ/thửa: 173/302

- Diện tích thửa: 321,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²



- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 165 m²
- Loại đất thu hồi: CLN
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AA 03007288 ngày 06/09/2018
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						79.184.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	49	1.616.000	100		79.184.000	TH (173/304)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	158	1.616.000	0		0	AHHL (173/304)
3	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	211	1.616.000	0		0	AHHL (173/303) (đã bồi thường)
4	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	165	1.616.000	0		0	AHHL (173/302)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						2.531.000	
1	Vật kiến trúc bỏ hoang không sử dụng	m ²	46,44	0	30		0	tường xây + nền
2	Tường rào xây gạch hoặc xây gạch có khung lưới B40 (có tô, trát)	đồng/m ²	5	382.000	100		1.910.000	
3	Hàng rào lưới B40	m ²	5	101.000	100		505.000	
4	Trụ bê tông cắm ranh hàng rào cao 1,2 đến 2,2 m	trụ	2	58.000	100		116.000	
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						0	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Cây Xoài (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	1	2.259.982	0		0	AHHL
CỘNG							81.715.000	
THƯỜNG DI DỜI							8.000.000	
TỔNG CỘNG							89.715.000	



STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Cây Xoài (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	1	2.259.982	0		0	AHHL
CỘNG							81.715.000	
THƯỜNG DI DỜI							8.000.000	
TỔNG CỘNG							89.715.000	



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 017

Họ và tên: Lê Minh Phương

- Mã số định danh/số căn cước: 079068010186

- Địa chỉ thường trú: 390/79 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TpHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 193/158

- Diện tích thửa: 562m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 134 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 6 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CS 915705 ngày 09/09/2019

- Số tờ/thửa: 193/324

- Diện tích thửa: 573m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 93,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 79,5 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CS 861486 ngày 06/09/2019

- Số tờ/thửa: 192/90

- Diện tích thửa: 2.228m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 2.194 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CS 915530 ngày 06/09/2019



- Số tờ/ thửa: 192/196
- Diện tích thửa: 1.072m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 42 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CV 683251 ngày 18/08/2020
- Số tờ/ thửa: 192/197
- Diện tích thửa: 1.067m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 117 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CV 683252 ngày 18/08/2020
- Số tờ/ thửa: 192/198
- Diện tích thửa: 1.110m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 1.106 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CV 683253 ngày 18/08/2020
- Số tờ/ thửa: 193/323
- Diện tích thửa: 575m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 158,8 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CS 915706 ngày 09/09/2019
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						2.802.589.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	134	883.200	100		118.349.000	TH (193/158)
2	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	6	883.200	80		4.239.000	AHHL (193/158)
3	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	93,5	883.200	100		82.579.000	TH (193/324)
4	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	79,5	883.200	80		56.172.000	AHHL (193/324)
5	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	2.194	877.800	80		1.540.715.000	AHHL (192/90)
6	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	42	877.800	80		29.494.000	AHHL (192/196)
7	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	117	877.800	80		82.162.000	AHHL (192/197)
8	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	1.106	877.800	80		776.677.000	AHHL (192/198)
9	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m ²	158,8	883.200	80		112.202.000	AHHL (193/323)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						3.745.000	
1	Giếng thả ống ciment (kể cả lắp đặt) - Ống 1 m Φ1,2 m	cái	1	485.000	100		485.000	TH
2	Giếng khoan thủ công Φ60 mm	mét	20	163.000	100		3.260.000	TH
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.061.000	
1	Lúa (Đông xuân)	ha	0,023	37.050.000	100		841.000	TH
2	Lúa (Đông xuân)	ha	0,009	37.050.000		50	157.000	AHHL
3	Cây Ổi (Năm thứ 1)	Cây	1	78.365	80		63.000	TH
4	Keo lá tràm	Cây	5	15.384	0		0	AHHL

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
5	Keo lá trà	Cây	7	15.384		0	0	AHHL
6	Keo lá trà	Cây	29	15.384		0	0	AHHL
7	Keo lá trà	Cây	15	15.384		0	0	AHHL
CỘNG							2.807.395.000	
THƯỞNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							2.827.395.000	

Viết bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ ĐXC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 019

Họ và tên: Nguyễn Thị Trương (cấp giấy) - Hồ Thị Yên Vy (nhận chuyển nhượng)

- Mã số định danh/số căn cước: 075169011377

- Địa chỉ thường trú: 11/2A KP2, P Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: không

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : không

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: không

- Tham gia BHXH: không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/271

- Diện tích thửa: 153m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 60,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số L 578807 cấp ngày 24/04/2000 sử dụng ổn định, không tranh chấp

- Số tờ/thửa: 192/78

- Diện tích thửa: 1.513m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 167 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 94 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số L 578807 cấp ngày 24/04/2000 sử dụng ổn định, không tranh chấp

- Số tờ/thửa: 192/79

- Diện tích thửa: 1.303m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 222 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số L 578807 cấp ngày 24/04/2000 sử dụng ổn định, không tranh chấp

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						421.608.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	60,5	877.800	100		53.107.000	TH (192/271)
2	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	167	877.800	100		146.593.000	TH (192/78)
3	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	94	877.800	80		66.011.000	AHHL (192/78)
4	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	222	877.800	80		155.897.000	AHHL (192/79)
CỘNG							421.608.000	
THƯỜNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							437.608.000	

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 006

Họ và tên: Nguyễn Thị Hơ - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)

- Mã số định danh/số căn cước: 075068007280

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/237

- Diện tích thửa: 2.441m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 483 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 272 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Dược công nhận QSD đất số DH 276481, DH 276482 ngày 26/09/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Căn cứ Văn bản thẩm định số 01/HĐTĐGDCTXPA ngày 24/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Phước An Thông báo kết luận số 152/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phước An)						614.986.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	483	877.800	100		423.977.000	TH (192/237)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	272	877.800	80		191.009.000	AHHL (192/237)
CỘNG							614.986.000	
THƯỜNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							634.986.000	

Viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 007

Họ và tên: Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hon)

- Mã số định danh/số căn cước: 075068007280

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						245.445.000	
1	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	22,372	4.363.000	80		78.087.000	XD 2024
2	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	29,988	4.363.000	80		104.670.000	AH
3	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 1	Đồng/m ² sàn	8,552	4.363.000	80		29.850.000	AH
4	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	15,04	1.854.000	80		22.307.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
5	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	3,1	1.854.000	80		4.598.000	
6	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	4	1.854.000	80		5.933.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						456.000	
1	Mía	m2	1	8.605	100		9.000	
2	Cây xoài - Năm thứ 2	Cây	3	418.299	0		0	
3	Cây xoài - Năm thứ 4 trở đi (thời kỳ kinh doanh)	Cây	4	849.491	0		0	
4	Cây bưởi - Năm thứ 4 trở đi (thời kỳ kinh doanh)	Cây	4	1.898.003	0		0	
5	họ cây mai (từ năm thứ 1-4)	Cây	4	36.700	50		73.000	
6	Sứ kiềng	Cây	4	187.000	50		374.000	
7	Ôi - Năm thứ 3 trở đi	Cây	4	433.269	0		0	
CỘNG							245.901.000	
THƯƠNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							245.901.000	